

Bản án số: 275/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11-8-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim H.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Tất L.

Ông Nguyễn Duy Kh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị D - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh BT tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Th - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 166/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1981; địa chỉ: ấp PC, xã SD, huyện CL, tỉnh BT. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Duy Kh - sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp C, xã SD, huyện CL, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2023, đơn yêu cầu không hòa giải và giải quyết vắng mặt ngày 23/6/2023 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Duy Kh tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sơn Định, huyện CL ngày 05/8/2014. Sau khi kết hôn thời gian đầu chung sống cũng hạnh phúc, nhưng đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bà T cho rằng là do ông Kh ăn chơi, cờ bạc gây nợ nần; thời gian gần đây còn có hành vi đánh

đập, chửi bới vợ. Vào khoảng đầu năm 2023, bà T có nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Duy Kh nhưng ông Kh hứa sửa chữa nên bà T rút đơn khởi kiện. Sau đó, bà T cho rằng ông Kh ngày càng kiêu chuyên, gây cãi, cuộc sống chung trở nên nặng nề hơn. Vì vậy, nay bà T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện CL giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Duy Kh và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hồng Ph, sinh ngày 03/12/2014. Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, riêng bị đơn không tuân thủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể:

Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Duy Kh.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hồng Phúc, sinh ngày 03/12/2014 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, ông Kh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu nên không giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa, còn bị đơn ông Nguyễn Duy Kh mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào các 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông Kh là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Duy Kh tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Định, huyện CL, tỉnh BT vào ngày 05/8/2014 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo yêu cầu của bà T, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Duy Kh, nguyên nhân chính là bà T cho rằng chồng bà là ông Kh ăn chơi, cờ bạc, đánh đập bà. Trước đây, bà T cũng đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn vào tháng 01/2023, ông Kh hứa sẽ sửa đổi nên bà T đã cho ông Kh cơ hội sửa đổi hàn gắn gia đình. Tuy nhiên, ông Kh vẫn tính nào tật nấy, không sửa đổi mà ngày càng kiểm chuyện hơn, gây cãi trong gia đình làm cho không khí trong gia đình ngày càng nặng nề hơn. Điều này phù hợp với nội dung của biên bản xác minh. Còn ông Kh mặc dù Tòa án đã nhiều lần mời đến Tòa để hòa giải, nhưng ông Kh vẫn cố tình vắng mặt và bà T vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Kh.

Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông Kh đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và cả hai cũng không tìm cho mình một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông Kh là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống, bà T và ông Kh có 01 người con chung tên Nguyễn Hồng Ph, sinh ngày 03/12/2014, hiện đang sống với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng của bé Nguyễn Hồng Ph thì nhận thấy bé Ph có mong muốn sống chung với mẹ là Nguyễn Thị T. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt và nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao bé Nguyễn Hồng Ph cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng sẽ đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ghi nhận bà T không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: bà T khai không có nợ chung và không ai có yêu cầu xem xét về nợ chung nên không xét đến.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Duy Kh. Cụ thể tuyên:

Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Duy Kh. Ghi nhận bà T không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp nuôi một người con chung của bà và ông Nguyễn Duy Kh tên Nguyễn Hồng Ph, sinh ngày 03/12/2014 (hiện đang sống chung với bà T).

Ghi nhận bà Nguyễn Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Duy Kh cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom con mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, bà T và ông Kh có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp có căn cứ người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con, trên cơ sở lợi ích của con thì người thân thích, Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: bà T khai không có nợ chung và không có ai yêu cầu nên không xét đến.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004373 ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh BT. Bà T đã nộp đủ án phí.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục T.H.A DS huyện CL;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HSVA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**